

Bản án số: 07/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 30-6-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tú

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Hồng.

*-Thư ký phiên tòa:* Ông Mai Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2020/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐST - HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị X, sinh năm 1972.

Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh N, sinh năm 1971.

Đều trú tại: Thôn C, xã Mi, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Mạnh Q, sinh năm 1940; địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

(Chị X có mặt, anh N xin vắng mặt, ông Q vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Bùi Thị X trình bày:

Chị và anh Nguyễn Mạnh N trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Tứ Lộc, tỉnh Hải Hưng (nay là huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương) ngày 30/12/1991. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với gia đình anh N, cả hai đều làm nông nghiệp. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không thống nhất với nhau trong làm ăn kinh tế, vợ chồng hay cãi nhau, anh N công việc hay phải đi làm ăn xa nhà nhưng khi về nhà thiếu quan tâm tới gia đình, chị đã về nhà bố mẹ chị để ở từ tháng 12/2017 cho tới nay, trong thời gian chị về nhà bố mẹ ở anh N có điện thoại bảo chị về nhưng chị xác

định không còn tình cảm gì với anh N nữa. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh N.

Về con chung: Anh chị có ba con chung là Nguyễn Thị H1, sinh ngày 04/3/1993; Nguyễn Hữu H 2, sinh ngày 21/8/1997 và Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 13/4/2003. Con H 1 và con H 2 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị đề nghị tiếp tục nuôi con Nguyễn Thị Hải Y và tự nguyện không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng cho con.

Tại bản tự khai và quá trình làm việc anh Nguyễn Mạnh N là bị đơn trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống giữa anh chị đúng như chị X trình bày, còn về mâu thuẫn là do không thống nhất về quan điểm sống và sinh hoạt gia đình. Tuy nhiên, anh xác định hôn nhân giữa anh và chị N không còn hạnh phúc, không thể quay lại đoàn tụ với nhau được nữa, nên anh nhất trí ly hôn chị X.

Về con chung: Anh chị có ba con như chị X trình bày là đúng, hai con Nguyễn Thị H và Nguyễn Hữu H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, ly hôn anh nhất trí để cho chị X được nuôi con Nguyễn Thị Hải Y và đồng ý việc chị X không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, công nợ: Chị X và anh N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của anh Nguyễn Mạnh N và chị Bùi Thị X: Tại biên bản xác minh ngày 05/6/2020, đại diện lãnh đạo xã M cùng đại diện Hội phụ nữ, Tư pháp xã và lãnh đạo thôn C xác nhận: Từ năm 2016 do anh N thường hay phải đi làm ăn xa, khi về nhà thiếu quan tâm tới chị X nên tình cảm vợ chồng nhạt dần, hiện tại chị X đã về nhà bố mẹ ở.

Ông Nguyễn Mạnh Q là bố đẻ của anh N trình bày: Từ năm 2016 chị X và anh N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không thống nhất với nhau trong cuộc sống, dẫn tới vợ chồng xô xát, gia đình hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng tình cảm anh chị đó không cải thiện được; chị X đã về nhà bố mẹ ở. Chị X xin ly hôn với anh N, Tòa án thông báo và triệu tập anh N đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn và nuôi con, ông đã thông báo cho anh N, anh N có bản tự khai quan điểm của anh N cũng nhất trí ly hôn với chị X và đồng ý để chị X được tiếp tục nuôi con Nguyễn Thị Hải Y.

Con Nguyễn Thị Hải Y nguyện vọng được ở cùng mẹ là chị X.

Đại diện Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em ở xã M đề nghị lấy ý kiến nguyện vọng của cháu xem ở với ai, thì giao cho người đó nuôi.

Tòa án đã tiến hành các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật nhưng anh N không đến tham gia nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Chị Bùi Thị X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Mạnh N và đề nghị tiếp tục nuôi con Nguyễn Thị Hải Y tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con; anh N xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của BLTTDS. Đối với nguyên, bị đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các điều 70, 71, 72 của BLTTDS; Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTWQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị X về xin ly hôn anh Nguyễn Mạnh N; về con chung: Giao con Nguyễn Thị Hải Y cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chấp nhận sự tự nguyện của X, anh N không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; về án phí: Chị X phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Mạnh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa, tuy nhiên anh N xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Mạnh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị X và anh Nguyễn Mạnh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Tứ Lộc, tỉnh Hải Hưng (nay huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương) ngày 30/12/1991. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh N là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, chị X đã về nhà bố mẹ đẻ ở, anh chị sống ly thân không ai quan tâm tới ai, giữa anh chị cũng không có biện pháp gì cải thiện quan hệ tình cảm. Nay cả chị X, anh N đều nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị X và anh N thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Sự tự nguyện ly hôn của chị X, anh N không trái pháp luật, do vậy căn cứ các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị X được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Thị H 1, sinh ngày 04/3/1993; Nguyễn Hữu H 2, sinh ngày 21/8/1997 và Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 13/4/2003. Con H 1 và con H 2 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; con Nguyễn Thị Hải Y chị X đề nghị tiếp tục nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng cho con, anh N đồng ý để cho X được nuôi con Y và nhất trí về việc chị X không yêu cầu anh cấp dưỡng cho con đến khi con thành niên là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của các bên đương sự hiện nay, đồng thời không làm xáo trộn cuộc

sống, không gây ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của con chung. Do vậy, giao con Nguyễn Thị Hải Y cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị X không yêu cầu anh N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là phù hợp các điều: 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét và giải quyết.

[5] Về án phí: Chị X khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều: 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị X, xử cho chị Bùi Thị X ly hôn anh Nguyễn Mạnh N.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị X tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 13/4/2003 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị X, anh N không phải cấp dưỡng cho con. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0009758 ngày 10/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã M, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tú**